TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2023
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Nguyễn Hoàng Hổ**.

2- Ông **Trần Văn Tám**.

3- **-** ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Út Sang**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: *Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.*

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1971.
2. *Bị đơn:* Chị **Trần Thị M**, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp MK, xã MT, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

(Anh T có mặt tại phiên tòa, chị M vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2023, các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Anh và Trần Thị M tự quen biết và tìm hiểu được một thời gian, được sự chấp thuận của hai bên gia đình nên đã anh và chị M đã cưới nhau vào năm

2003, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương nhưng vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian và có 02 người con chung thì khoảng 4 – 5 năm trở lại đây vợ anh thường xuyên bỏ nhà đi, không chăm lo cho gia đình và anh cũng không biết vợ anh có tham gia tệ nạn cờ bạc gì hay không nhưng thường hay vay mượn nợ bên ngoài, bản thân anh đã trả nợ cho vợ nhiều lần và có khuyên can vợ anh nên ở nhà chăm lo cho con cái nhưng vợ anh vẫn chứng nào tật nấy hay bỏ nhà đi, có khi cả năm mới về nhà một lần, giữa vợ chồng cũng đã thỏa thuận ly hôn với nhau nhưng chưa làm thủ tục theo quy định pháp luật. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau nữa nên yêu cầu xin được ly hôn với chị Trần Thị M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh và Trần Thị M có 02 người con chung tên Nguyễn Thị K A, sinh ngày 10/02/2005 và Nguyễn Khả H, sinh ngày 13/4/2008. Hiện các cháu đang sinh sống cùng với anh.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận với nhau.

Nay anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xin được ly hôn với Trần Thị M.

- Về con chung: Khi vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên Nguyễn Thị K A, sinh ngày 10/02/2005 và Nguyễn Khả H, sinh ngày 13/4/2008, không yêu cầu Trần Thị M phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị M trình bày ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Theo yêu cầu ly hôn của anh T thì chị đồng ý ly hôn với anh T

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh T có 02 người con chung tên Nguyễn Thị K A, sinh ngày 10/02/2005 và Nguyễn Khả H, sinh ngày 13/4/2008. Khi ly hôn, chị đồng ý để Anh T trực tiếp nuôi dưỡng các con, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị đồng ý tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị M. Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với chị Trần Thị M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy việc chị M xin được vắng mặt trong phiên xét xử là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và chị M cũng đã trình bày ý kiến của mình về nội dung giải quyết vụ việc nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thị M.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T và chị Trần Thị M thống nhất xác nhận vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2003, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng từ đó đến nay anh T và chị M không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy quan hệ vợ chồng của anh T và chị M không được pháp luật công nhận.

Tại phiên hòa giải, mặc dù anh T và chị M thống nhất ly hôn với nhau nhưng HĐXX thấy rằng quan hệ hôn nhân của anh T và chị M không hợp pháp do không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Tòa án không thể công nhận sự thuận tình ly hôn của anh T và chị M được mà căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị M.

Về con chung: Anh T và chị M đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị có 02 người con chung tên Nguyễn Thị K A, sinh ngày 10/02/2005 và Nguyễn Khả H, sinh ngày 13/4/2008. Hiện các cháu đang sinh sống cùng với anh T.

Anh Tvà chị Mãnh thống nhất giao 02 người con chung tên Nguyễn Thị K A, sinh ngày 10/02/2005 và Nguyễn Khả H, sinh ngày 13/4/2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, các cháu K Avà K H đều có nguyện vọng sinh sống cùng với

cha là Anh Nguyễn Thanh T. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của anh T, chị M và các con để giao cháu K Avà K H cho Anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Anh T không yêu cầu chị M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị M thống nhất đồng ý tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0005907 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 81, 82,83, và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Thanh T và chị Trần Thị M.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Nguyễn Thị K A, sinh ngày 10/02/2005 và Nguyễn Khả H, sinh ngày 13/4/2008 cho anh Nguyễn Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Trần Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị M có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Thanh T và chị Trần Thị M đồng ý tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí Anh Tđã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0005907 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh Nguyễn Thanh T đã nộp đủ xong tiến án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho anh Nguyễn Thanh T có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/5/2023). Đối với chị Trần Thị M vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện U Minh Thượng;*
- *CCTHADS huyện U Minh Thượng;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh